TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/DS-ST
Ngày 04-4-2025
V/v "Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Hải**

2. Ông **Nguyễn Công Trường**

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà **Nguyễn Cẩm Hường** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời**, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1069/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Út B**, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền:

Anh **Võ Quốc D**, sinh năm 1988 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn:

Chị **Đặng Thị Ú**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Anh **Phan Văn N**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Nguyên đơn chị **Ngô Thị Út B** (Uỷ quyền cho anh D) trình bày:

Chị Ngô Thị Út B và vợ chồng chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N có giao dịch mua bán thuỷ hải sản, chị Ú và anh N còn thiếu tiền của chị B với số tiền 410.940.000 đồng, chị Ú và anh N có ký nhận tại Tờ nhận nợ ngày 11/7/2024. Nhiều lần chị B liên hệ để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay chị Ú và anh N chưa trả cho chị B số tiền nêu trên. Nay, chị Ngô Thị Út B khởi kiện yêu cầu chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N trả cho chị B số tiền 410.940.000 đồng.

*/ Đối với bị đơn chị **Đặng Thị Ú** và anh **Phan Văn N:**

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt đúng theo quy định của pháp luật, nhưng Bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn Bị đơn vắng mặt.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, đối với Bị đơn đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Toà án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Út B.

Buộc chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho chị B số tiền 410.940.000 đồng.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với Bị đơn chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị B khởi kiện để yêu cầu chị Ú và anh N trả tiền còn thiếu do mua bán thuỷ hải sản với số tiền là 410.940.000 đồng.

Do đó, có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật ở vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", đồng thời Bị đơn có nơi cư trú tại Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng**:

Chị B khởi kiện để yêu cầu chị Ú và anh N trả tiền còn thiếu do mua bán thuỷ hải sản với số tiền là 410.940.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị B có cung cấp:

Tờ nhận nợ ngày 11/7/2024 – bút lục 06 (nội dung của T nhận nợ này thể hiện chị Ú và anh N có nợ chị B số tiền 410.940.000 đồng, cũng tại Tờ nhận nợ này chị Ú và anh N còn nợ Nguyễn Thanh S số tiền 621.183.000 đồng, nợ Ngô Thị N1 số tiền 354.360.000 đồng, nợ Ngô Văn Đ số tiền 558.000.000 đồng, có chữ ký và chữ viết của chị Ú và anh N).

Ngoài ra, chị B (uỷ quyền cho anh D) còn cung cấp Biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2024 (bút lục từ 34 đến 37) của Công an huyện T. Theo đại diện Nguyên đơn trình bày do chị Ú và anh N không trả nợ trong đó có chị B, nên chị B trình báo Công an, Công an huyện T tiến hành làm việc đối với chị Ú và anh N, chị Ú và anh N thừa nhận nợ tiền mua bán thuỷ hải sản của chị B số tiền 410.940.000 đồng, ngoài ra chị Ú và anh N còn thừa nhận nợ đối với các đương sự như đã nêu trên.

Như vậy, ở vụ án này chị B khởi kiện đối với chị Ú và anh N để yêu cầu trả nợ, chị Ú và anh N còn bị các đương sự nêu trên khởi kiện và được Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết buộc chị Ú và anh N trả nợ cho các đương sự nêu trên (theo Bản án số 78/2025/DS-ST ngày 28/02/2025, Bản án số 65/2025/DS-ST ngày 21/02/2025, Bản án số 66/2025/DS-ST ngày 24/02/2025).

Quá trình giải quyết vụ án, do chị Ú và anh N vắng mặt, Toà án có yêu cầu Công an thị trấn S, huyện T cung cấp thông tin cá nhân của chị Ú và anh N để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Tại Công văn số 09/CV-CASĐ ngày 24/3/2025 của Công an thị trấn S (bút lục 88), thể hiện: Công dân Đặng Thị Ú sinh ngày 15/11/1992 (vợ), công dân Phan Văn

N sinh ngày 06/5/1989 (chồng), nơi đăng ký thường trú khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Như vậy, có cơ sở để xác định việc chị B khởi kiện đối với chị Ú và anh N, cũng như đối chiếu các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp là cùng một người, mối quan hệ giữa chị Ú và anh N là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho chị Ú và anh N đều không nhận trực tiếp, nhưng Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt niêm yết là đúng theo quy định của pháp luật, nhưng Bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án. Điều đó chứng tỏ, chị Ú và anh N đã từ bỏ quyền phản đối theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".

Như vậy, cho thấy chị Ú và anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả nợ cho chị B số tiền 410.940.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định chị Ú và anh N còn nợ chị B số tiền 410.940.000 đồng, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B.

Ngoài ra, cần xác định khoản nợ 410.940.000 đồng là nợ chung của vợ chồng giữa chị Ú và anh N, căn cứ các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc chị Ú và anh N có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị B số tiền 410.940.000 đồng là phù hợp.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, về án phí được xử lý như sau:

Đối với chị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Buộc chị Ú và anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 20.437.600 đồng (số tiền buộc chị Ú và anh N trả cho chị B số tiền 410.940.000 đồng = 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự2015; Các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Út B, buộc bị đơn chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Út B số tiền 410.940.000 đồng (Bốn trăm mười triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Ngô Thị Út B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N không thi hành xong khoản tiền trên, thì chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Buộc chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 20.437.600 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Chị Ngô Thị Út B được nhận lại tiền án phí số tiền 10.219.000 đồng (Mười triệu hai trăm mười chín ngàn đồng) tại Biên lai thu 0005026 ngày 11/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3/ Về quyền kháng cáo:

Chị Ngô Thị Út B được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với chị Đặng Thị Ú và anh Phan Văn N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang